TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 442/2023/DS-PT
Ngày 17/11/2023
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Ông Nguyễn Chí Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2023/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3425/2023/QĐPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Thị Xuân H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là: Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện M,tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1932;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn T1 là: Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1993.

2. Ông Lê Văn S, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Ông Trịnh Văn T là bị đơn; ông Trịnh Văn T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trịnh Thị Xuân H cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Khoảng tháng 9/2020, bà H được cha ruột là ông Trịnh Văn T1 tặng cho phần đất có diện tích 624,2m^2 , thuộc thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX570236 ngày 09/9/2020. Sau đó, ông Trịnh Văn T có hỏi mượn bà H một phần đất liền kề với phần đất của ông để trồng hoa màu cải thiện đời sống hàng ngày. Do là anh em ruột nên bà đồng ý cho ông T mượn đất mà không có làm giấy tờ, bà có thỏa thuận miệng với ông T khi nào bà có nhu cầu lấy đất lại để canh tác thì ông T phải trả lại cho bà, diện tích bà H cho ông T mượn để canh tác khoảng 174m^2 thuộc một phần thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18.

Khoảng tháng 8/2022, bà H có gặp ông T để yêu cầu trả lại phần đất cho mượn để vợ chồng bà canh tác, quản lý sử dụng và rào chắn lại nhưng ông T không chịu trả, ông nói rằng phần đất 174m^2 mà ông mượn của bà thì ông đã mua của cha là ông Trịnh Văn T1. Sự việc này bà có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P giải quyết tại biên bản hòa giải ngày 11/8/2022 và kết quả hòa giải không thành.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Văn T phải di dời toàn bộ cây trồng ngắn ngày trên đất, trả lại cho bà quyền sử dụng đất qua đo đạc thực tế là 161,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trịnh Văn T cũng như người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Phần đất có diện tích 174m^2 thuộc một phần thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc của ông Trịnh Văn T1 cha ông Trịnh Văn T. Giữa năm 2020, ông T1 tiến hành chia đất cho tổng cộng 09 người con thì đều cho phần diện tích bằng nhau là 450m^2, còn lại 174m^2 thì ông T1 để dưỡng già.

Ngày 20/8/2020, ông T1 có tặng cho em gái ông T là bà Trịnh Thị Xuân H phần đất có diện tích 450m^2 thuộc một phần thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, do phần đất được tặng cho không đủ diện tích để tách thửa và làm thủ tục cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà H có đề nghị ông T1 chuyển nhượng cho bà H thêm phần đất còn lại (174m^2) để bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, ông T1 có thỏa thuận chuyển nhượng thêm cho bà H phần đất liền ranh có diện tích 174m^2 thuộc một phần thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre với giá 52.200.000 đồng và có sự chứng kiến của tất cả thành viên trong gia đình ông T1, việc chuyển nhượng không có lập văn bản.

Tuy nhiên, bà H lại không thanh toán cho ông T1 số tiền chuyển nhượng phần đất như đã thỏa thuận. Ngoài ra, vợ chồng bà H còn nhiều lần chửi mắng, xúc phạm ông T1 nên ông T1 không đồng ý chuyển nhượng cho bà H phần diện tích đất nêu trên nữa. Hiện phần đất trên ông T1 giao lại cho ông T quản lý, sử dụng trong thời gian ông T1 đi chữa bệnh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông T trả lại phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế 161,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre và di dời phần tài sản trên đất thì ông T không đồng ý vì phần đất trên là của ông Trịnh Văn T1, không phải của bà H.

Theo đơn yêu cầu độc lập và các lời khai trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn T1 trình bày:

Ông T1 thống nhất lời trình bày của bị đơn ông T về việc tặng cho quyền sử dụng đất và việc thỏa thuận chuyển nhượng phần đất tranh chấp cho bà Trịnh Thị Xuân H. Do phần đất được ông tặng cho không đủ diện tích để tách thửa và làm thủ tục cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà H có đề nghị ông chuyển nhượng cho bà phần đất còn lại có diện tích 174m^2 thuộc một phần thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18, với giá chuyển nhượng là 52.200.000 đồng. Tuy nhiên, do ông và bà H là cha con ruột và bà H có đề nghị là làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để bà H không phải nộp thuế khi chuyển nhượng

phần đất vì vậy mà cả hai bên đều không có làm giấy tờ gì để chứng minh việc chuyển nhượng đất. Việc ông T1 đồng ý chuyển nhượng phần đất này cho bà H có sự chứng kiến của các người con khác trong gia đình. Từ đó đến nay bà H vẫn chưa thanh toán cho ông số tiền chuyển nhượng phần đất nêu trên như đã thỏa thuận. Ngoài ra, vợ chồng bà H còn nhiều lần chửi mắng, xúc phạm ông nên ông không đồng ý chuyển nhượng cho bà H phần diện tích đất nêu trên.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết hủy 01 phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 20/8/2020 giữa ông và bà Trịnh Thị Xuân H, buộc bà H trả lại cho ông phần đất có diện tích 161,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Đối với cây trồng ngắn ngày trên đất của ông T1 cho ông Trịnh Văn T để nhờ thì không có yêu cầu gì và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S trình bày:

Ông là chồng bà H, ông thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn bà H và không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2023/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H đối với ông Trịnh Văn T về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Buộc ông Trịnh Văn T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trịnh Thị H phần đất có diện tích 161,1m^2 thuộc một phần thửa 378, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Có kết quả đo đạc hiện trạng các thửa đất kèm theo là bộ phận không thể tách rồi bản án).

2. Không chấp nhận yêu cầu tranh chấp của ông Trịnh Văn T1 đối với bà Trịnh Thị Xuân H về việc yêu cầu hủy 01 phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 20/8/2020 tại Văn phòng C2 giữa ông T1 và bà Trịnh Thị Xuân H đối với phần đất có diện tích 161,1m^2 thuộc một phần thửa 378, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/8/2023 bị đơn ông Trịnh Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 07/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ

thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên Toà phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo uỷ quyền của ông T, ông T1 thay đổi yêu cầu kháng cáo là yêu cầu Toà tạm ngừng phiên toà triệu tập ông L, ông M để làm rõ việc trước đây bà H có yêu cầu đo đạc lại phần đất tranh chấp nhằm mục đích gì (không cung cấp được chính xác họ và tên, địa chỉ cư trú của ông L, ông M).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên toà để thu thập quy trình biến động tất cả các thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông Trịnh Văn T1, lấy lời khai tất cả các con của ông T1 xác định xem có việc ông T1 tặng cho những người con khác 450m^2 hay không, có việc có những người con của ông T1 nhận giá trị 450m^2 và những người con nhận quyền sử dụng đất khi được ông T1 chia đất cho không.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

Xét yêu cầu tạm ngừng phiên toà của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông T1 cũng như yêu cầu tạm ngừng phiên toà của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre với các lý do đã đưa ra trong phiên toà phúc thẩm là không cần thiết, không làm thay đổi bản chất giải quyết vụ án và cũng không đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Về nội dung:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích 161,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Trịnh Thị Xuân H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về nguồn gốc đất được các đương sự thống nhất thừa nhận là của ông Trịnh Văn T1 cha ruột của bà Trịnh Thị Xuân H và ông Trịnh Văn T.

Nguyên đơn bà H trình bày được ông T1 tặng cho phần đất có diện tích 624,2m^2, thuộc thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18 vào năm 2020. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà có cho anh ruột là ông Trịnh Văn T mượn một phần diện tích 161,1m^2 để canh tác liền kề với phần đất của ông T nay bà có nhu cầu sử dụng đất nhưng ông T không giao trả lại cho bà, vì vậy bà khởi kiện yêu cầu ông T phải giao trả lại cho bà phần đất nói trên.

Bị đơn ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1 trình bày: ông T1 chỉ tặng cho bà H phần đất có diện tích 450m^2 thuộc một phần thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18; tuy nhiên do phần đất được tặng cho không đủ diện tích để tách thửa theo quy định của nhà nước nên bà H có đề nghị ông T1 chuyển nhượng cho bà phần đất còn lại để bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên có thỏa thuận giá chuyển nhượng là 52.200.000 đồng và có sự chứng kiến của tất cả thành viên trong gia đình ông T1 nhưng không lập văn bản thỏa thuận chuyển nhượng mà lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Bà H cũng chưa thanh toán tiền chuyển nhượng cho ông T1 nên nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông T, ông T1 không đồng ý; đồng thời ông T1 có yêu cầu độc lập yêu cầu bà H phải giao trả lại cho ông phần đất tranh chấp.

[2] Theo hồ sơ quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện ngày 06/7/2020 ông Trịnh Văn T1 có làm đơn xin tách thửa số 3, tờ bản đồ 18 diện tích 1219,2m^2 thành 02 thửa là thửa đất số 377 diện tích 619,6m^2 và thửa đất số 378 diện tích 624,2m^2 cùng tờ bản đồ số 18 và được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/7/2020. Ngày 20/8/2020 ông T1 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị Xuân H toàn bộ thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18 diện tích 624,2m^2, hợp đồng được công chứng theo quy định pháp luật; bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18 ngày 09/9/2020. Như vậy, toàn bộ quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là phù hợp với quy định.

[3] Bị đơn ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1 cho rằng chỉ tặng cho bà H phần đất có diện tích 450m^2 và thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất tranh chấp 161,1m^2 với giá 52.200.000 đồng do bà H không giao trả tiền chuyển nhượng đất cho ông T1 nên ông T1 có yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với diện tích 161,1m^2 và yêu cầu bà H giao trả lại cho ông T1 phần đất tranh chấp 161,1m^2 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh có việc thỏa thuận tặng cho, chuyển nhượng đất như đã trình bày. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm thì Tòa án cũng tiến hành thu thập biên bản hòa giải ngày 01/6/2022 của ấp P và biên bản hòa giải ngày 01/6/2022 của Ủy ban nhân dân xã P, tất cả các ý kiến bà H đều không thừa nhận có nhận chuyển nhượng đất của ông T1. Làm

việc với ông Trịnh Công T2 và người làm chứng Trịnh Văn C, Lê Văn P và Nguyễn Bá T3 là con ruột, con rể của ông T1 thì không ai chứng kiến việc hai bên xác lập giao dịch chuyển nhượng mà chỉ nghe ông T1 nói có bán đất cho bà H.

[4] Thấy rằng, bà H là chủ sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định pháp luật nên việc bà H yêu cầu ông T phải giao trả lại cho bà phần đất tranh chấp là hoàn toàn có căn cứ. Ông T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh có thỏa thuận chuyển nhượng phần đất diện tích 161,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18 cho bà H nên việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho phần đất có diện tích 161,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18 giữa ông T1 và bà H là không có cơ sở.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn ông T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ, nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm; đề nghị của Kiểm sát viên là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Văn T1 là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Ông Trịnh Văn T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007677 ngày 07/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Văn T.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2023/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các điều 166, 500, 501 và 502 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166 và 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H đối với ông Trịnh Văn T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn ông Trịnh Văn T.

Buộc ông Trịnh Văn T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trịnh Thị H phần đất có diện tích 161,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(*Có kết quả đo đạc hiện trạng các thửa đất kèm theo*).

2. Không chấp nhận yêu cầu tranh chấp của ông Trịnh Văn T1 đối với bà Trịnh Thị Xuân H về việc yêu cầu hủy 01 phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 20/8/2020 tại Văn phòng C2 giữa ông T1 và bà Trịnh Thị Xuân H đối với phần đất có diện tích 161,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 378, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận bà H tự nguyện chịu số tiền 2.168.000 đồng (hai triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ông Trịnh Văn T1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trịnh Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đông) theo biên lai thu số 0008547 ngày 14/11/2022 của C1 cụcThi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Văn T1 là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Ông Trịnh Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biênthu số 0007677 ngày 07/8/2023 của Chi cụcThi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Rẻn